

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày: 09-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Hằng Nga.

Ông Nguyễn Hữu Lợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Lý Kiều Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP K;

Địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoàng C – Chức danh: Chuyên viên xử lý nợ.

***Bị đơn:** Ông Trịnh Phước T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Ông C có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2023 và các lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng C là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K có trong hồ sơ có nội dung:

Ngày 08/7/2019, ông **Trịnh Phước T** và **Ngân hàng TMCP K** (sau đây gọi tắt là **Ngân hàng K**) có ký kết Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng Quốc tế **K1** số 0034/19/TC/1900-08681 để mở thẻ tín dụng loại Visa Gold và JCB Gold với hạn mức là 50.000.000đ; Mục đích: Tiêu dùng; Thời hạn sử dụng: 36 tháng; Phương thức trả nợ: Theo quy định của **Ngân hàng TMCP K**; Lãi suất vay: 22%/năm.

Sau khi mở thẻ và sử dụng thẻ từ ngày 10/7/2019 cho đến thời điểm hiện nay, ông **Trịnh Phước T** đã không thực hiện thanh toán đúng hạn trả nợ nên đã vi phạm các cam kết với **Ngân hàng TMCP K**. **Ngân hàng TMCP K** yêu cầu ông **Trịnh Phước T** tất toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nhưng ông **Trịnh Phước T** không thực hiện. Tạm tính đến ngày 10/11/2024, ông **Trịnh Phước T** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** như sau:

- Vốn gốc : 25.172.564đ;
- Tổng lãi phải trả : 19.965.656đ;
- Tổng phí phải trả: 4.103.182đ;
- Tổng cộng : 49.241.404 đ.

Tại phiên tòa hôm nay, **Ngân hàng TMCP K** xác định, ông **T** còn nợ Ngân hàng như sau:

- Vốn gốc : 25.172.564 đ;
- Tổng lãi phải trả : 24.078.778 đ;
- Tổng phí phải trả: 9.893.182 đ;
- Tổng cộng : 59.144.524 đ.

*Bị đơn, ông **Trịnh Phước T** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:*

Ông **Trịnh Phước T** đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông **T** không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Phiên tòa hôm nay, ông **T** cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: **Ngân hàng TMCP K** khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông **Trịnh Phước T** có địa chỉ cư trú tại **thành phố T** nên căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Bị đơn là ông **Trịnh Phước T**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông **T** đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông **T** không chấp hành. Riêng người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP K** là ông **Nguyễn Hoàng C** đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng mở thẻ tín dụng: Căn cứ theo “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2**” số 0034/19/TC/1900-08681 ngày 08/7/2019 được ký kết giữa **Ngân hàng TMCP K** và ông **Trịnh Phước T** có chữ ký tên và chữ viết tên ông **Trịnh Phước T** nên đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2**” số 0034/19/TC/1900-08681 ngày 08/7/2019 để mở thẻ tín dụng loại Visa Gold và JCB Gold với hạn mức là 50.000.000đ; Mục đích: Tiêu dùng; Thời hạn sử dụng: 36 tháng; Phương thức trả nợ: Theo quy định của **Ngân hàng TMCP K**; Lãi suất vay: 22%/năm. Tính đến ngày 09/7/2024, ông **T** còn nợ **Ngân hàng TMCP K** số tiền gốc vay là 25.172.564đ; lãi suất phát sinh tính đến ngày 09/7/2024 là 24.078.778đ; các phí phạt trong hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết là 9.893.182đ; tổng cộng là 59.144.524đ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **T** trả số tiền gốc vay và tiền lãi suất, tiền phí phát sinh tạm tính đến ngày 09/7/2024 tổng cộng là 59.144.524đ. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông **T** phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền gốc vay đối với các hợp đồng tín dụng trên tổng cộng là 59.144.524đ cho **Ngân hàng TMCP K** theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP K** yêu cầu ông **T** trả số tiền nợ gốc và lãi còn nợ Ngân hàng tạm tính đến thời điểm xét xử là 59.144.524đ. Xét thấy, ông **T** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng, vì vậy cần buộc ông **T** hoàn trả số tiền còn nợ cho **Ngân hàng TMCP K** sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh sau ngày 09/7/2024 (là ngày xét xử sơ thẩm): Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: “Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay”.

Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 471, 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN của **Ngân hàng N** hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc **Ngân hàng N** được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở buộc ông **Trịnh Phước T** tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 10/7/2024 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với **Ngân hàng TMCP K** theo “Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2**” số 0034/19/TC/1900-08681 ngày 08/7/2019 tương ứng với số vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: ông **Trịnh Phước T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.957.226đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] **Ngân hàng TMCP K** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.231.035đ do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 317, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP K** yêu cầu ông **Trịnh Phước T** trả số tiền gốc vay là 25.172.564đ, lãi suất phát sinh tính đến ngày 09/7/2024 là 24.078.778đ, phí trong hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết là 9.893.182đ, tổng cộng là 59.144.524đ.

- Buộc ông **Trịnh Phước T** trả cho **Ngân hàng TMCP K** số tiền nợ gốc đã vay là 25.172.564đ, lãi suất phát sinh tính đến ngày 09/7/2024 là 24.078.778đ, phí phạt trong hợp đồng thẻ tín dụng đã ký kết là 9.893.182đ, tổng cộng là 59.144.524đ.

2. Buộc ông **Trịnh Phước T** phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 10/7/2024 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận với **Ngân hàng TMCP K** theo “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K2**” số 0034/19/TC/1900-08681 ngày 08/7/2019 tương ứng với số tiền vốn và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Trịnh Phước T** phải nộp 2.957.226đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.231.035đ theo biên lai thu số 0001414 ngày 26/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh